

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TOÁN

MÔN ĐẠI SỐ VÀ HÌNH HỌC KHỐI 7
(Từ ngày 13/09/2021 đến ngày 18/09/2021)

Tiết 3: §3. NHÂN, CHIA SỐ HỮU TỈ

1. Nhân hai số hữu tỉ

✚ Với $x = \frac{a}{b}$; $y = \frac{c}{d}$ ($b, d \neq 0$) ta có

$$x.y = \frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} = \frac{a.c}{b.d}$$

Ví dụ: Tính

a) $-0,2 \cdot \frac{3}{4} = -\frac{1}{5} \cdot \frac{3}{4} = \frac{-3}{20}$

b) $\frac{-3}{4} \cdot 2\frac{1}{2} = \frac{-3}{4} \cdot \frac{5}{2} = \frac{-15}{8}$

2. Chia hai số hữu tỉ

Với $x = \frac{a}{b}$, $y = \frac{c}{d}$ ($y \neq 0$) ta có:

$$x : y = \frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c} = \frac{a.d}{b.c}$$

Ví dụ : Tính

a) $-0,4 : \left(-\frac{2}{3}\right) = \frac{-2}{5} : \frac{-2}{3} = \frac{-2}{5} \cdot \frac{3}{-2} = \frac{3}{5}$

b) $3,5 \cdot \left(-1\frac{2}{5}\right) = \frac{7}{2} \cdot \frac{-7}{5} = \frac{-49}{10}$

c) $\frac{-5}{23} : (-2) = \frac{-5}{23} \cdot \frac{1}{-2} = \frac{5}{46}$

Chú ý:

Thương của phép chia số hữu tỉ x cho số hữu tỉ y ($y \neq 0$), gọi là tỉ số của hai số x và y , ký hiệu là $\frac{x}{y}$ hay $x : y$

Ví dụ: Tỉ số của hai số $-4,16$ và $8,25$ được viết là $\frac{-4,16}{8,25}$ hay $-4,16 : 8,25$.

 **Các em làm các bài tập 11;13 sgk/ trang 12**

Tiết 4: §4. GIÁ TRỊ TUYỆT ĐỐI CỦA MỘT SỐ HỮU TỈ. CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA SỐ THẬP PHÂN

1. Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ

Giá trị tuyệt đối của số hữu tỉ x , kí hiệu là $|x|$, là khoảng cách từ điểm x tới điểm 0 trên trục số.

$$|x| = \begin{cases} x & \text{nếu } x \geq 0 \\ -x & \text{nếu } x < 0 \end{cases}$$

Ví dụ:

a) Nếu $x = 3,5$ thì $|x| = |3,5| = 3,5$ (vì $3,5 > 0$)

Ví dụ:
b) Nếu $x = \frac{-4}{7}$ thì $|x| = \left| \frac{-4}{7} \right| = \frac{4}{7}$ (vì $\frac{-4}{7} < 0$)

Nhận xét: Với mọi $x \in \mathbb{Q}$ ta luôn có $|x| \geq 0$, $|x| = |-x|$ và $|x| \geq x$

2. Cộng, trừ, nhân, chia số thập phân

Ví dụ: a) $-1,13 + (-0,624)$

$$\text{Cách 1: } -1,13 + (-0,624) = \frac{-113}{100} + \frac{-624}{1000}$$

$$= \frac{-1130}{1000} + \frac{(-624)}{1000} = \frac{-1754}{1000} = \frac{-877}{500}$$

$$\text{Cách 2: } -1,13 + (-0,624)$$

$$= -(1,13 + 0,624) = -1,754$$

b) $0,245 - 2,134$

$$= -(2,134 - 0,245)$$

$$= -1,889$$

c) $-5,2 - 3,14$

$$= -(5,2 + 3,14)$$

$$= -8,34$$

?3sgk/14 Tính :

a) $-3,116 + 0,263 = -2,853$

b) $-3,7 \cdot (-2,16) = 7,992$

Bài 17: (SGK/15): Tìm x , biết:

a. $|x| = \frac{1}{5}$

b. $|x| = 0,37$

c. $|x| = 0$

d. $|x| = 1\frac{2}{3}$

Hướng dẫn giải

a. $|x| = \frac{1}{5}$

$$x = \frac{1}{5} \text{ hay } x = -\frac{1}{5}$$

Học sinh tự làm các câu còn lại.

 **Các em làm các bài tập 18 sgk/trang15, bài 25 sgk/
trang 16**

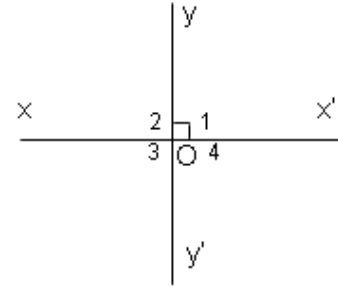
Tiết 3: §2. HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

1. Thế nào là hai đường thẳng vuông góc

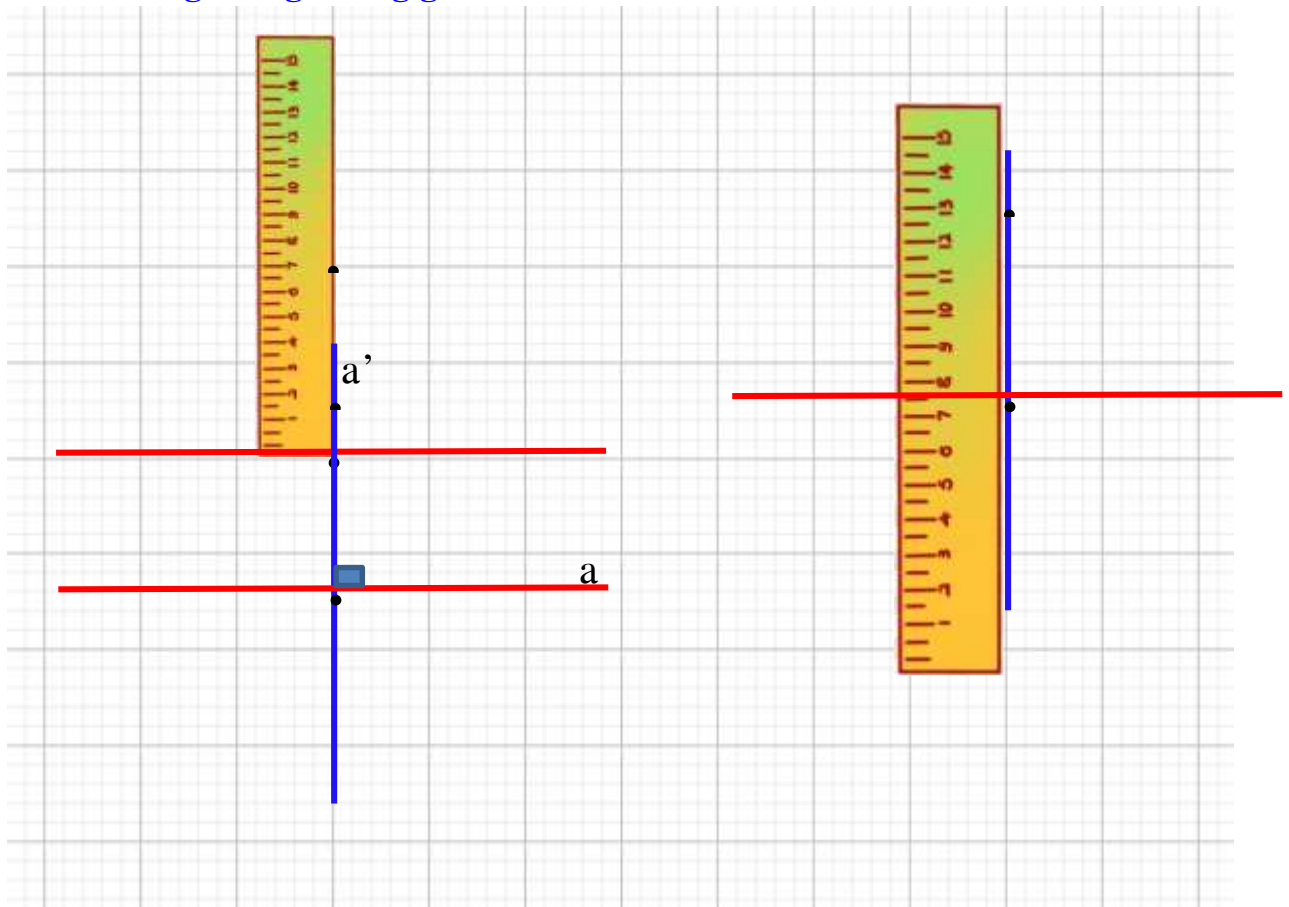
a) Định nghĩa

Hai đường thẳng xx' , yy' cắt nhau và trong các góc tạo thành có một góc vuông được gọi là hai đường thẳng vuông góc.

Kí hiệu $xx' \perp yy'$



2. Vẽ hai đường thẳng vuông góc

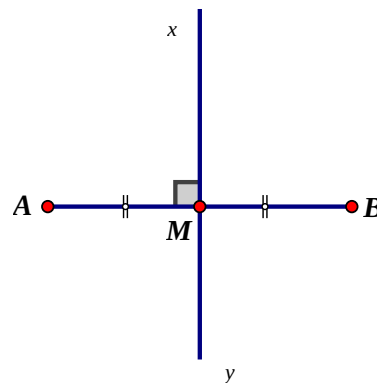


- **Tính chất:** Có một và chỉ một đường thẳng a' đi qua điểm O và vuông góc với đường thẳng a cho trước.

3. Đường trung trực của đoạn thẳng

Định nghĩa:

Đường thẳng vuông góc với đoạn thẳng tại trung điểm của nó được gọi là trung trực của đoạn thẳng ấy



Ta có M là trung điểm AB
 $\left. \begin{array}{l} \text{Đường thẳng } xy \perp AB \text{ tại } M \end{array} \right\} \Leftrightarrow xy \text{ là đường trung trực của đoạn thẳng } AB$

Chú ý:

Khi xy là đường trung trực của đoạn thẳng AB ta nói: Hai điểm A và B đối xứng nhau qua đường thẳng xy .

Bài 11 SGK/86: Điền vào chỗ trống trong các phát biểu sau

a) Hai đường thẳng vuông góc với nhau là hai đường thẳng **cắt nhau và trong các góc tạo thành có một góc vuông**

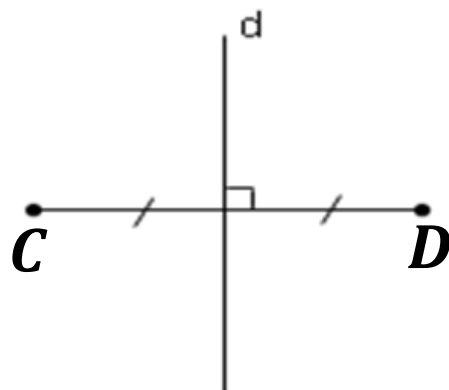
b) Hai đường thẳng a và a' vuông góc với nhau được ký hiệu là **$a \perp a'$** .

c) Cho trước một điểm A và một đường thẳng d **có duy nhất một đường thẳng d'** đi qua A và vuông góc với d .

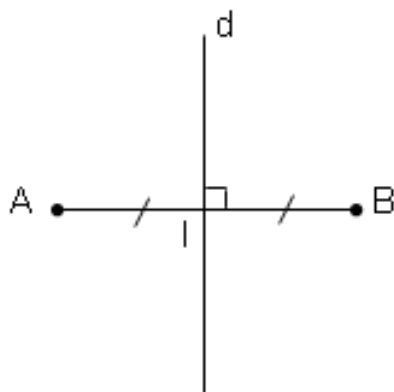
Tiết 4: LUYỆN TẬP

Bài 14 SGK/86:

a) Cho đoạn thẳng CD dài 3cm . Hãy vẽ đường trung trực của đoạn thẳng này



b) Cho đoạn thẳng AB dài 4cm. Hãy vẽ đường trung trực của đoạn thẳng này



c) Cho đoạn thẳng MN dài 5cm. Hãy vẽ đường trung trực của đoạn thẳng này

d) Cho đoạn thẳng EF dài 7cm. Hãy vẽ đường trung trực của đoạn thẳng này

Bài 18 (SGK-Trang 87).

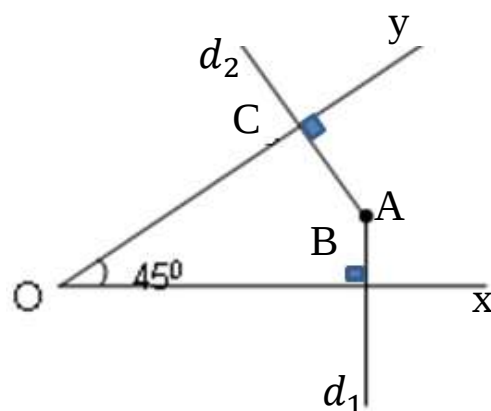
Vẽ hình theo cách diễn đạt bằng lời sau:

Vẽ $\widehat{xOy} = 45^\circ$. Lấy điểm A bất kỳ nằm

Trong $\widehat{xOy}$. Vẽ qua A đường thẳng

d_1 vuông góc với tia Ox tại B. Vẽ qua A

đường thẳng d_2 vuông góc với tia Oy tại C.

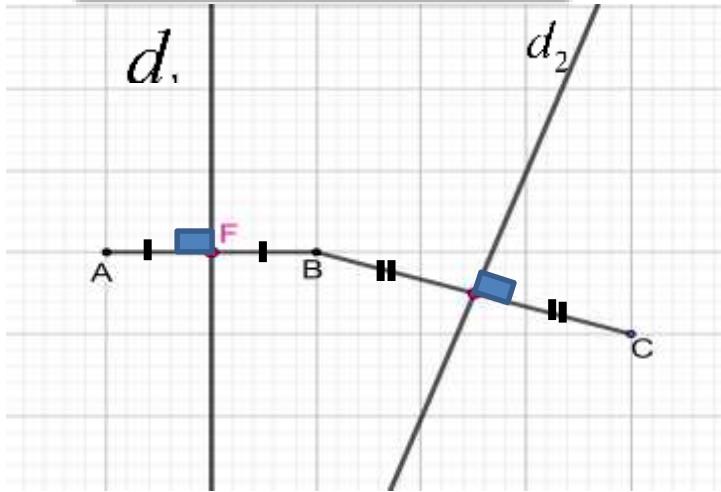


Bài 20: (SGK-Trang 87).

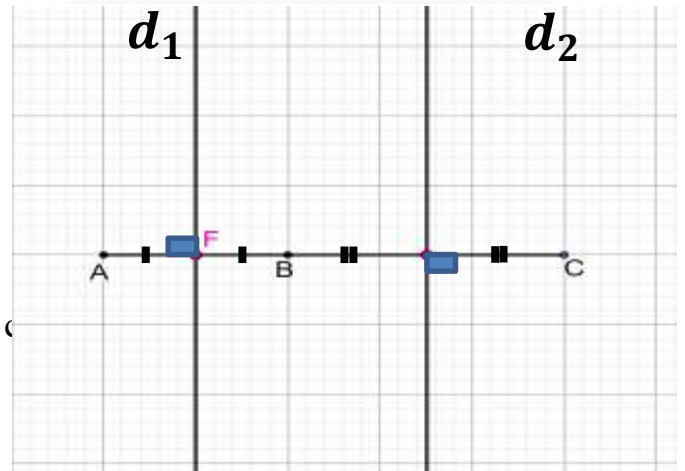
Vẽ đoạn thẳng AB dài 2cm và đoạn thẳng BC dài 3cm rồi vẽ đường trung trực của mỗi đoạn thẳng đó. (Vẽ hình trong hai trường hợp ba điểm A, B, C không thẳng hàng và ba điểm A, B, C thẳng hàng)

Giải

Trường hợp ba điểm A, B, C không thẳng hàng



Trường hợp ba điểm A, B, C thẳng hàng



Bài tập: Cho $AOB = 130^\circ$. Trong góc AOB vẽ các tia OC , OD sao cho $OC \perp OA$, $OD \perp OB$. Tính COD

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:
Cô Cao Kim Ngân SĐT: 0977347356

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 7

(Từ ngày 13/09/2021-18/09/2021)

Tiết 5

LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

I. Tìm hiểu bài:

1. Tính liên kết của văn bản:

* Xét ví dụ SGK

- Đoạn văn là 1 chuỗi câu rời rạc, chấp nối. Mỗi câu văn nêu một sự việc khác nhau chưa có sự liên kết → khó hiểu.

-> Liên kết là làm cho nội dung các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau. Liên kết là 1 trong những tính chất quan trọng của văn bản, giúp văn bản có nghĩa, dễ hiểu.

2. Phương tiện liên kết trong văn bản:

* Xét VD 1a/SGK-tr17

- Nội dung ý nghĩa giữa các câu trong đoạn văn không thống nhất các câu không cùng hướng về một chủ đề.

→ Văn bản cần có sự liên kết về nội dung, ý nghĩa.

- Thiếu sự liên kết vì: thiếu từ ngữ làm phương tiện liên kết.

-> Văn bản cần có sự liên kết bằng những phương tiện ngôn ngữ thích hợp (từ, câu).

II. Ghi nhớ: (SGK/18)

III. Luyện tập:

Bài 1:

- Sắp xếp các câu theo thứ tự : (1) - (4) - (2) - (5) - (3)

Bài 2:

- Các câu văn không có sự liên kết vì: nội dung, ý nghĩa không thống nhất và gắn bó chặt chẽ: mỗi câu là 1 sự việc khác nhau.

Bài 3

- Các từ lần lượt sẽ điền: Bà - Bà - cháu - Bà - bà - cháu - thế là.

Tiết 6

BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

I. Tìm hiểu bài:

1. Bố cục của văn bản:

* Xét Vd SGK/28

- Nội dung trong 1 lá đơn cần được sắp xếp theo 1 trình tự hợp lý
 - Bố cục: bố trí, sắp xếp các phần, các đoạn theo 1 trình tự, hệ thống rành mạch, hợp lý.
 - Văn bản phải có bố cục rõ ràng
- * Xét VD SGK/29

- Hai câu chuyện chưa có bố cục.

+ Sắp xếp ý, câu: không rõ ràng, thiếu liên kết .

+ Trình bày lộn xộn, gây khó hiểu .

- Điều kiện khi sắp xếp bố cục:

+ Nội dung các phần, các đoạn vừa thống nhất, vừa rõ ràng.

+ Trình tự sắp xếp hợp lí.

3. Các phần của bố cục:

* Xét VD/SGK

- Bố cục văn bản: 3 phần

+ Mở bài

+ Thân bài

+ Kết bài (SGK/30)

	Tự sự	Miêu tả
MB	giới thiệu nhân vật, sự việc, tình huống truyện	giới thiệu đối tượng miêu tả
TB	kể diễn biến sự việc	tả chi tiết theo một trình tự quan sát ...
KB	kết thúc truyện.	cảm nghĩ về đối tượng.

II. Ghi nhớ: (SGK/30)

III. Luyện tập:

Bài 1

*Bố cục chưa hợp lý vì:

- MB: chưa đủ (chỉ là lời chào, chưa giới thiệu điều cần nói trong báo cáo).
- TB:
 - + Mục (1) (2) (3) mới kể việc học ntn, chưa nêu kinh nghiệm học tập.
 - + Mục (4) lại không nói về học tập-> thiếu sự thống nhất
- KB: còn sơ lược (chưa khái quát lại kinh nghiệm)
- *Cần bổ sung:
 - MB: Lí do báo cáo, mục đích báo cáo.
 - TB:
 - + Nêu các kinh nghiệm học tập cụ thể:
(ở lớp, ở nhà, trong uộc sống, trong tài liệu)
 - + Bỏ mục (4)
 - KB:
 - + Trình bày nguyện vọng được nghe ý kiến trao đổi, góp ý cho bản báo cáo.
 - + Lời chúc.

Tiết 7:

MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN

I. Tìm hiểu bài:

1. Mạch lạc trong văn bản:

Xét VD/ SGK

*Tính chất của mạch lạc trong văn bản:

- Trôi chảy thành dòng, thành mạch.
- Tuần tự đi khắp các phần các đoạn trong văn bản.
- Thông suốt, liên tục, không đứt đoạn.
- > Mạch lạc là sự tiếp nối các câu các ý theo 1 trình tự hợp lí. Mạch lạc rất cần thiết cho văn bản .

2. Điều kiện để văn bản có tính mạch lạc:

Xét ví dụ: Tìm hiểu văn bản "**Cuộc chia... búp bê**"

- Các sự việc xoay quanh sự việc chính: cuộc chia tay của Thành , Thuỷ, tình cảm của hai anh em.
- Sự chia tay của những con búp bê -> thể hiện chủ đề văn bản.
- Thành Thuỷ là nhân vật chính tham gia các sự việc .
- > Các sự việc, nhân vật đều nói về 1 đề tài và hướng tới 1 chủ đề.
- Các từ ngữ lặp lại -> làm cho chủ đề liên mạch, văn bản mạch lạc.
- Các đoạn trong văn bản được nối với nhau theo mối liên hệ: thời gian, không gian, tâm lí, ý nghĩa.

*Văn bản có tính mạch lạc cần:

- Các phần, các đoạn **đều nói về 1 đề tài, 1 chủ đề**
- Các phần, các đoạn các câu phải tiếp nối theo **trình tự** rõ ràng, hợp lí.

II. Ghi nhớ: (SGK/32)

III. Luyện tập:

Bài 1

a. Văn bản Mẹ tôi

- Chủ đề: ca ngợi tấm lòng yêu thương và sự hi sinh của người mẹ.
- Các đoạn, các phần trong văn bản đều hướng tới chủ đề đó->tính thống nhất
- Các phần, ý: có sự tiếp nối theo 1 trình tự chặt chẽ->tạo sự liền mạch trong văn bản.

Con có lỗi->bổ đau lòng vì đó là sự xúc phạm tình cảm thiêng liêng mẹ dành cho con ->khuyến con sửa lỗi.

- Các phần đều xoay quanh chủ đề chính, gắn kết chặt chẽ

=>**Văn bản có tính mạch lạc**

b. Văn bản Lão nông và các con

- Chủ đề: Lao động là vàng.
- Chủ đề này xuyên suốt bài thơ, các phần liên mạch với nhau:
 - + 2 câu mở bài nêu lên chủ đề.
 - + Đoạn giữa là “kho vàng chôn dưới đất” và “kho vàng do sức lao động của con người làm nên: lúa tốt”.
 - + Đoạn kết (4 câu cuối) lại nhấn mạnh thêm chủ đề 1 lần nữa để khắc sâu.

->**Văn bản có tính mạch lạc**

.....

Tiết 8:

Văn bản

CA DAO, DÂN CA NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

I. Đọc hiểu chú thích:

*Khái niệm về ca dao, dân ca

- Dân ca: những sáng tác kết hợp lời và nhạc (những câu hát trong diễn xướng)
- Ca dao: lời thơ của dân ca.
- Nội dung: diễn tả đời sống nội tâm của con người.
- Bốn bài ca dao 1,2,3,4 trang 35/SGK đều cùng chủ đề về tình cảm gia đình.
- Thể thơ: lục bát.

. II. Đọc - hiểu văn bản: (Học bài ca dao 1 và ca dao 4)

1. Bài ca dao 1:

- Lời mẹ ru con, nói với con về công lao cha mẹ và bổn phận của người làm con.
 - + Công cha - núi ngất trời
 - + Nghĩa mẹ - nước ngoài biển Đông.
- > Hình ảnh so sánh cụ thể với cái kì vĩ lớn lao của thiên nhiên
- =>khẳng định công lao to lớn của cha mẹ như trời, biển đối với con cái.

- "Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi !"

-> ca ngợi công lao cha mẹ nuôi con vất vả nhiều bề. Giọng điệu tôn kính, nhắn nhủ, tâm tình.

=> Lời khuyên thấm thía, sâu sắc về bổn phận trách nhiệm của con cái phải ghi nhớ công ơn, yêu thương, kính trọng, hiếu thảo với cha mẹ

2. Bài ca dao 4:

- Tiếng hát về tình cảm gắn bó của anh em trong gia đình.

+ “ Nào phải người xa”.

+ “ Cùng chung bác mẹ”

+ “ Một nhà cùng thân”

-> Sử dụng những từ ngữ chỉ sự gắn kết thống nhất khẳng định anh em tuy hai nhưng lại là một: cùng một cha mẹ sinh ra, cùng chung sống, sướng khổ có nhau trong một nhà.

- “ Như thể tay chân”

-> Hình ảnh so sánh diễn tả tình cảm gắn bó thiêng liêng, không thể tách rời của tình anh em.

- “ Anh em... hai thân vui vầy.”

-> Nhấn nhủ anh em phải biết đoàn kết, thương yêu, nhường nhịn, giúp đỡ nhau.

III. Ghi nhớ: (SGK/36)

MỌI THẮC MẮC PHHS VÀ HS VUI LÒNG LIÊN HỆ:

Cô Nhung: 0937275455

Cô Phan Thủy: 0977345871

Cô My: 0985738889

Cô Tiên: 0916354818

Cô Bảo Ngọc: 0917107355

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 7 (TỪ 13/9 ĐẾN 18/9)

Unit 1: BACK TO SCHOOL
Section B: Names and addresses (B1→B6)

I. NEW WORDS:

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| 1. address | (n): địa chỉ |
| → home address | (n): địa chỉ nhà |
| 2. family name = surname | (n): họ |
| 3. middle name | (n): tên đệm |
| 4. far | (adj): xa |
| →How far | : Bao xa |
| 5. about | (adv): khoảng chừng |
| 6. distance | (n): khoảng cách |
| →distant | (adj) |
| 7. means of transport | : phương tiện giao thông |

II. GRAMMAR:

1. Cấu trúc hỏi nơi ở

Where + do/ does + S + live?

→ What + is + your/ his / her / tên's + address?

Ex: Where do you live? →What is your address?

2. Cấu trúc hỏi tuổi

How old + is / are + S?

→ What + is + your / his / her/ tên's + age?

Ex: How old is she? →What is her age?

3. Cấu trúc hỏi khoảng cách bao xa

How far is it from to?

→ It's (about) +..... + meter(s)/ kilometer(s)

Ex: How far is it from your house to school? → It's about 2 kilometers.

4. Hỏi bạn học khối và lớp nào

a) Bạn học khối mấy

Which/ What + grade + are/ is + S + in?

→ S + is/ am/ are + in + grade....

Ex: Which grade are you in? → I'm in grade 7.

What grade is she in? → She is in grade 8.

b) Bạn học lớp nào

Which/ What + class + are/ is + S + in?

→ S + is/ am/ are + in + class....

Ex: Which class are you in? → I'm in class 7A.

What class is she in? → She is in class 8B.

5. Hỏi phương tiện đi lại

How + do/ does + S + V (go, travel, ...)?

→ S + V_(s/es) + by + phương tiện.

***Một số cụm từ chỉ phương tiện đi lại:**

- **by** bike/ bicycle: bằng xe đạp
- **by** plane: bằng máy bay
- **by** motorbike: bằng xe máy
- **by** air/ sea: bằng đường hàng không/ bằng đường biển
- **by** bus: bằng xe buýt
- **by** boat/ ship: bằng thuyền/ tàu
- **by** car: bằng xe hơi
- **by** train: bằng tàu lửa
- **by** coach: bằng xe đò
- **on** foot: đi bộ

***Lưu ý: Dùng “on foot = walk”**

Ex: How do you go to school? → I go to school by bus.

How does she travel to work? → She travels to work by car.

I go to school on foot. = I walk to school.

UNIT 2: PERSONAL INFORMATION

Section A: Telephone numbers (A1+A2)

I. NEW WORDS:

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| 1. person | (n): người, cá nhân |
| → personal | (adj): thuộc về cá nhân |
| 2. information | (n): thông tin |
| → personal information | : thông tin cá nhân |
| 3. telephone | (n): điện thoại |

→ telephone number : số điện thoại
→ telephone directory : danh bạ điện thoại

II.GRAMMAR:

What is + your/ his/ her/ tên's + telephone number?

(Số điện thoại của bạn/ của anh ấy/ của cô ấy là gì?)

Ex: What's your telephone number? → My telephone number is 0224985155



EXERCISES – Period 4-6

I. Choose the suitable word or phrase (A, B, C or D) for each blank.

1. What's your _____ name? – It's Pham. (family / middle / first / name)
2. Where _____ she live ? (do / does / is / are)
3. What's your _____ address? (house / school / market / home)
4. What's _____ address? (she / he / her / I)
5. How _____ is it from your house to school? (high / old / far / many)
6. She lives _____ 12 PVH Street. (on / in / at / to)
7. _____ is Hoa talking to? (What / Where / Who / Which)
8. I'm in _____ 7. (class / grade / classroom / school)
9. How do you go to the school? _____ (On bike / With bike/ By bike / By a bike)
10. Be quiet! The baby _____ (sleeps/ is sleeping/ are sleeping/ sleep)

II. Rearrange the words in the correct orders of a complete sentence.

1. is it/ to/ How far/ your house/ school?/ from
→ _____
2. about / It is/ my school./ from/ one kilometer
→ _____
3. goes to/ bus/ Mr.Hoang/ every day./ work/ by
→ _____

III. Read the text and choose the suitable word or phrase (A, B, C or D) for each blank.

Dear Hoa

I am _____ (1) to tell you about my new school. It is about five kilometers from my home. Ms. Nga is my teacher _____ (2) school and she is very nice. My best friend is not here _____ (3) me. She goes to a small school _____ (4) her home. Now tell me about your school. Is it _____ (5) big school ? _____ (6) is your teacher?

Please write to tell me soon

Love,

Thanh

- | | | | |
|-------------|-----------|-------------|----------------|
| 1. A. write | B. writes | C. writing | D. are writing |
| 2. A. at | B. in | C. on | D. of |
| 3. A. for | B. with | C. from | D. belong |
| 4. A. near | B. next | C. in front | D. between |
| 5. A. an | B. the | C. Ø | D. a |
| 6. A. What | B. Which | C. Who | D. How |

IV. Supply the correct forms of the words in brackets.

1. Our school is big. There are fifty-six _____ in our school. (class)
2. Mai is our new _____. (class)
3. Miss Hong is our new English _____. (teach)
4. You should check your _____ information. (person)
5. There are lots of _____ in this supermarket. (person)

V. Rewrite the following sentences, beginning with the words given.

1. How old are you?
→ What _____?
2. What's his home address?
→ Where _____?
3. What is Lien's address?
→ Where _____?
4. What is her age?
→ How _____?
5. He walks to the park every morning.
→ He _____
6. Where does he live?
→ What _____?
7. How old is Nam?
→ What _____?
8. She goes to school on foot.
→ She _____

MỌI THẮC MẮC PHỤ HUYNH LIÊN HỆ DIỄM TRANG –ĐT : 0774985155

Trường THCS Phan Công Hớn

Tổ Sinh học

MÔN: SINH HỌC KHỐI 7

(Từ ngày 13/9 đến ngày 18/9)

Tiết 3, 4: MỘT SỐ ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH

A/ LÝ THUYẾT

I. THỰC HÀNH – QUAN SÁT MỘT SỐ ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH

II. NHẬN BIẾT MỘT SỐ ĐẠI DIỆN ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH

1. Trùng roi xanh

- Nơi sống: trong nước; cơ thể có tế bào.
 - Dinh dưỡng: tự dưỡng (ngoài sáng); dị dưỡng (trong tối)
 - Hô hấp:
 - Bài tiết: nhờ không bào co bóp
 - Sinh sản: bằng cách phân đôi cơ thể theo chiều dọc
- * Tập đoàn trùng roi → mối quan hệ về nguồn gốc giữa động vật đơn bào và động vật đa bào

2. Trùng biến hình

- Nơi sống: trong nước, cơ thể có tế bào
- Di chuyển: nhờ → cơ thể luôn biến đổi hình dạng
- Dinh dưỡng: bắt mồi bằng chân giả → tiêu hóa
- Hô hấp: màng cơ thể
- Bài tiết: chất thải được thải ra ngoài ở bất kỳ vị trí trên cơ thể
- Sinh sản: theo hình thức phân đôi

3. Trùng giày

- Nơi sống: ao hồ, cống rãnh, nước ngâm rơm rạ.
- Dinh dưỡng: thức ăn → lỗ miệng → hầu → không bào tiêu hóa → lỗ thoát.
- Di chuyển: bằng
- Hô hấp: màng cơ thể
- Sinh sản: bằng cách phân đôi theo chiều ngang; hữu tính bằng cách tiếp hợp

Mọi thắc mắc quý PH và HS vui lòng liên hệ cô Tuyết (0967813166)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ: SỬ - GDCD

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 7
(Từ ngày 13/9/2021 đến 18/9/2021)

A. LÝ THUYẾT:

TUẦN 2

Nội dung 3: CUỘC ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN CHỐNG PHONG KIẾN THỜI HẬU KÌ TRUNG ĐẠI Ở CHÂU ÂU

1. Phong trào văn hoá phục hưng:

- Nguyên nhân:

- + Chế độ phong kiến đã kìm hãm, vùi dập đối với các giá trị văn hóa.
- + Giai cấp tư sản có thế lực về kinh tế nhưng không có địa vị chính trị, xã hội

- Nội dung phong trào:

- + Lên án nghiêm khắc giáo hội Ki-tô, đã phá trật tự xã hội phong kiến.
- + Đề cao giá trị con người, đề cao khoa học tự nhiên, xây dựng thế giới quan duy vật.

- Ý nghĩa:

- + Phát động quần chúng chống lại chế độ phong kiến
- + Mở đường cho văn hóa châu Âu và nhân loại phát triển

2. Phong trào cải cách tôn giáo:

- **Nguyên nhân:** sự thống trị về tư tưởng của chế độ phong kiến là lực cản đối với sự phát triển của giai cấp tư sản.

- Diễn biến:

- + Cải cách của Lu-thơ (Đức)
- + Cải cách của Can-vanh (Thụy Sĩ)

- Hệ quả:

- + Đạo Ki - tô bị chia thành 2 giáo phái : Ki-tô giáo cũ và đạo Tin lành
- + Bùng lên cuộc chiến tranh nông dân Đức.

Chủ đề 2: XÃ HỘI PHONG KIẾN PHƯƠNG ĐÔNG
Nội dung 2: ÁN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

1/ Những trang sử đầu tiên (đọc sgk).

2/ Án Độ thời phong kiến:

(Hướng dẫn HS lập bảng niên biểu).

*** Vương triều Gúp-ta (TK IV –TK VI):**

Đầu thế kỉ thứ VI, triều đại Gúp-ta sụp đổ, Ấn độ luôn bị nước ngoài cai trị, xâm lược.

*** Vương triều Hồi giáo Đê-li (TK XII –TK XVI):**

- TK XII, Ấn Độ bị Thổ Nhĩ Kỳ xâm lược lập ra vương triều Hồi giáo Đê-li.

- Chính sách: cướp đoạt ruộng đất, cấm đoán đạo Hin-đu → mâu thuẫn dân tộc căng thẳng.

*** Vương triều Ấn Độ Mô-Gôn (TK XVI - TK XIX):**

- TK XVI, người Mông Cổ chiếm đóng Ấn Độ → lập vương triều Mô-gôn.

- **Chính sách:** xoá bỏ sự kì thị tôn giáo, khôi phục kinh tế, phát triển văn hoá.

- Giữa TK XIX, Ấn độ trở thành thuộc địa của nước Anh.

3/ Văn hoá Ấn Độ:

- Chữ viết: Chữ Phạn.

- Nền văn học Hin-đu: có ảnh hưởng đến đời sống xã hội.

- Tôn giáo: đạo Bà-la-môn, đạo Hin-đu.

- Kiến trúc: chịu sự ảnh hưởng sâu sắc của các tôn giáo.

B. BÀI TẬP:

- **HỌC THUỘC NỘI DUNG 2 VÀ NỘI DUNG 3**
- **TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI Ở SGK**
- **ĐỌC TRƯỚC BÀI MỚI.**

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Phương: 0909748238

Thầy Phách: 0908787875

Cô Hằng: 0981678786

Thầy Chính: 0967293940

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỒN

TỔ ĐỊA

MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 7

(Từ ngày 13/09/2021 đến ngày 18/09/2021)

Tiết 3 Bài 3: QUẦN CƯ ĐÔ THỊ HOÁ

A. LÝ THUYẾT

I. Quần cư nông thôn và quần cư đô thị:

<i>Đặc điểm</i>	<i>Nông thôn</i>	<i>Đô thị</i>
<i>Mật độ dân số</i>	Thấp, thưa thớt	Cao, đông đúc
<i>Hoạt động kinh tế</i>	Chủ yếu là nông, lâm, ngư nghiệp	Chủ yếu là công nghiệp và dịch vụ
<i>Lối sống</i>	Có xu hướng giảm	Có xu hướng tăng

II. Đô thị hoá, các siêu đô thị:

- Thế kỷ 19 đô thị phát triển nhanh ở các nước công nghiệp.
- Ngày nay, số người sống trong các đô thị đã chiếm khoảng một nửa dân số thế giới và có xu thế ngày càng tăng.
- Nhiều đô thị nhanh chóng trở thành siêu đô thị (Đô thị có trên 8 triệu dân) nhất là ở các nước đang phát triển .

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

D. DẶN DÒ

Tiết 4 Bài 4: THỰC HÀNH
PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ DÂN SỐ VÀ THÁP TUỔI

A. LÝ THUYẾT

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Trả lời các câu hỏi trong SGK và điền câu trả lời vào dấu

Bài 1: Phân tích lược đồ mật độ dân số Tỉnh Thái Bình

Dựa vào Bảng chú giải trên hình 4.1 SGK trang 13:

- Nơi có mật độ dân số cao nhất là Với mật độ dân số là.....
- Nơi có mật độ dân số thấp nhất là Với mật độ dân số là.....

Bài 2: Phân tích tháp dân số của Tp.HCM qua các cuộc điều tra dân số năm 1989 và năm 1999:

Quan sát 2 tháp tuổi hình 4.2 và 4.3, nhận xét hình dạng tháp ở 3 độ tuổi và nhận xét:

- Hình dáng tháp tuổi có sự thay đổi.....
- Nhóm tuổi tăng về tỉ lệ là....., nhóm tuổi giảm về tỉ lệ là.....
- Phản ánh điều gì về kết cấu dân số:.....

Bài 3: Phân tích lược đồ phân bố dân cư Châu Á

Quan sát hình 4.4 (chú ý kích thước và mật độ các dấu chấm tròn đỏ trên hình)

- Dân cư Châu Á thường tập trung đông đúc ở khu vực
- Các đô thị lớn ở Châu Á thường phân bố ở

D. DẶN DÒ

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Nguyễn Thị Thắng

-SĐT: 0962253101

CHỦ ĐỀ 2: SỰ TRUYỀN ÁNH SÁNG

A. LÝ THUYẾT (phần ghi bài)

I – ĐƯỜNG TRUYỀN CỦA ÁNH SÁNG

Định luật truyền thẳng của ánh sáng:

Trong môi trường trong suốt và đồng tính, ánh sáng truyền đi theo đường thẳng.

II – TIA SÁNG VÀ CHÙM SÁNG

a. Tia sáng

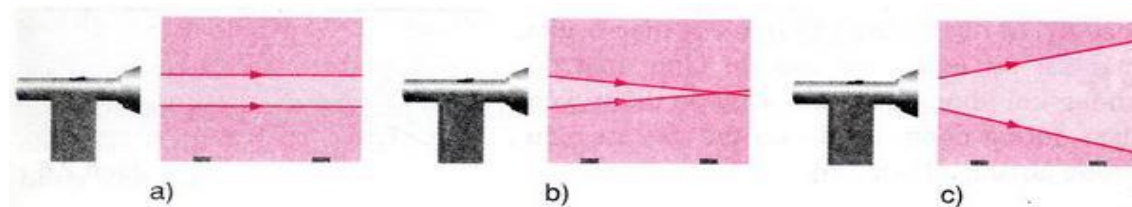
- Đường truyền của ánh sáng được biểu diễn bằng một đường thẳng có hướng gọi là **tia sáng**
- Biểu diễn tia sáng



b. Chùm sáng

- Chùm sáng gồm nhiều tia sáng hợp thành.

- Ba loại chùm sáng:



+ **Chùm sáng song song** (hình a): gồm các tia sáng **không giao nhau** trên đường truyền của chúng.

+ **Chùm sáng hội tụ** (hình b): gồm các tia sáng **giao nhau tại cùng một điểm** trên đường truyền của chúng.

+ **Chùm sáng phân kì** (hình c): gồm các tia sáng **loe rộng ra** trên đường truyền của chúng.

Chú ý:

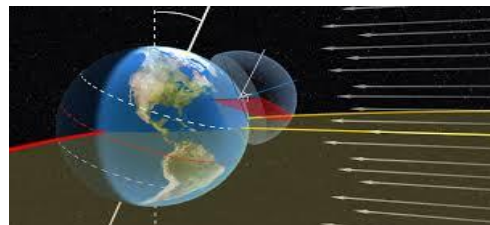
- Ánh sáng truyền trong không khí với vận tốc rất lớn gần bằng 300.000 km/s
- Trong môi trường trong suốt nhưng không đồng tính, ánh sáng không truyền theo đường thẳng.

❖ VÍ DỤ MINH HỌA

Ví dụ 1: Tìm hiểu ánh sáng Mặt Trời chiếu xuống Trái Đất là chùm sáng gì? Vì sao khẳng định là chùm sáng đó?

Hướng dẫn

Mặt Trời là nguồn sáng phân kì nhưng do Trái Đất quá nhỏ và qua xa với Mặt Trời nên khi chiếu xuống Trái Đất thành chùm sáng song song.



Ví dụ 2: Mỗi khi làm lễ chào cờ, học sinh xếp thành hàng dọc, theo lớp, theo tổ. Tại sao khi các bạn đã đứng trên đúng một đường thẳng thì người tổ trưởng không nhìn thấy khăn quàng trước ngực của các bạn phía sau người đứng đầu?



Hướng dẫn

Vì tia sáng có hướng từ khăn quàng đến mắt người tổ trưởng, bị các bạn đứng trước cản sẽ không đến được mắt tổ trưởng, và ánh sáng không truyền theo đường cong nên tổ trưởng không thể nhìn thấy khăn quàng của những bạn đứng phía sau.

B. BÀI TẬP

Câu 1: Vì sao ta không thấy được những vật ở sau lưng nếu ta không quay mặt lại?

Câu 2: Vào buổi tối các xe mô tô chạy trên đường bật đèn sáng. Ánh sáng do đèn pha xe mô tô phát ra ta có thể quan sát được. Tuy nhiên, ánh sáng này sẽ rõ hơn rất nhiều nếu trời có mưa. Hãy giải thích?

DẶN DÒ:

- Phần bài học chép vào tập (PHẦN A: LÝ THUYẾT).
- Làm PHẦN B: BÀI TẬP vào tập.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

- 1. Cô Oanh SĐT: 0374560523
- 2. Cô Tâm SĐT: 0975375268

MÔN CÔNG NGHỆ 7
GV: TRƯƠNG THỊ BÍCH HIỀN – ĐT 0908902771

Tuần 2 từ 13/9 đến 18/9

TIẾT 2 BÀI 2: KHÁI NIỆM VỀ ĐẤT TRỒNG VÀ THÀNH PHẦN CỦA ĐẤT TRỒNG

I/ KHÁI NIỆM VỀ ĐẤT TRỒNG

1/ Đất trồng là gì?

Là lớp bề mặt tơi xốp của vỏ Trái Đất, trên đó cây trồng có thể sinh sống và sản xuất ra sản phẩm
Đất trồng khác với đá là đất trồng có độ phì nhiêu.

2/ Vai trò của đất trồng

Là môi trường cung cấp nước, chất dinh dưỡng, oxi cho cây và giữ cho cây đứng vững.

II/ THÀNH PHẦN CỦA ĐẤT TRỒNG

Đất trồng gồm 3 thành phần chính:

- Phần khí: cung cấp oxi cho cây
 - Phần rắn: cung cấp chất dinh dưỡng cho cây
 - Phần lỏng: cung cấp nước cho cây.
-

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ: SỬ - GDCD

MÔN: GDCD – KHỐI 7

Tuần 2: 13/9 – 18/9

Phần I: CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC

Chủ đề 1: Quan hệ với bản thân

Bài 1: TRUNG THỰC (1 tiết)

A. LÝ THUYẾT

I. Tìm hiểu bài:

Truyện đọc: Sgk

II. Nội dung bài học:

1. Khái niệm: Trung thực là luôn luôn tôn trọng sự thật, tôn trọng lẽ phải.

2. Biểu hiện:

- Sống ngay thẳng, thật thà.
- Dám dũng cảm nhận lỗi khi mắc khuyết điểm.

3. Ý nghĩa:

- Là đức tính cần thiết và quý báu
- Giúp ta nâng cao phẩm giá, làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội.
- Được mọi người tin yêu kính trọng.

Ca dao, tục ngữ: - Cây ngay không sợ chết đứng.

- Ăn ngay nói thẳng.
- Thuốc đắng giã tật, sự thật mất lòng.

B. BÀI TẬP: a,b,c sgk/8

MỌI THẮC MẮC QUÝ PHHS VÀ HS LIÊN HỆ CÔ DUNG: 0976208153

MÔN TIN HỌC - KHỐI 7

(Từ ngày 13/09/2021 đến ngày 18/09/2021)

TIẾT 2: PHẦN MỀM HỌC TẬP

LUYỆN GÕ PHÍM NHANH BẰNG TYPING MASTER

3. Luyện gõ bằng trò chơi

- Nháy chuột chọn **Games**:

a) Trò chơi Bubbles (bong bóng):

- + Trò chơi xuất hiện các bọt khí có chứa các chữ cái bay từ dưới lên trên.
- + Nếu gõ đúng: bọt khí biến mất
- + Nếu gõ sai: bọt khí chuyển động lên trên, chạm vào khung trên màn hình.

b) Trò chơi ABC (bảng chữ cái):

- + Các chữ cái xuất hiện trong một vòng tròn.
- + Gõ chính xác các chữ cái theo chiều kim đồng hồ.

c) Trò chơi Clouds (đám mây):

- + Trò chơi xuất hiện các đám mây, chuyển động từ phải sang trái màn hình.
- + Dùng phím **Space** hoặc **Enter** để chuyển sang đám mây tiếp theo.
- + Muốn quay lại nhấn **Backspace** .

d) Trò chơi Wordtris (gõ từ nhanh):

- + Trò chơi có khung hình chữ U chỉ chứa được 6 thanh chữ.
- + Gõ đúng các từ trong thanh chữ, sau đó gõ phím khoảng trắng.

+ Thanh chữ biến mất: khi gõ xong trước lúc rơi xuống khung.

4. Luyện gõ qua bài kiểm tra kỹ năng gõ

- Nháy chuột chọn **Typing Test**:

- ✓ Bước 1: Chọn loại văn bản trong **Test text**.
- ✓ Bước 2: Chọn thời gian trong **Duration**.
- ✓ Bước 3: Nháy chọn vào **Start text** để bắt đầu.

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

1. Cô Thủy: 0908962965 (zalo)
2. Cô Hà: 0908281062 (zalo)
3. Cô Ý: 0786771441 (zalo)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ ÂM NHẠC - MỸ THUẬT

MÔN MỸ THUẬT LỚP 7

(Từ ngày 13/09/2021 đến 18/09/2021)

<u>Bài 2</u> <i>Vẽ theo mẫu</i>	Cái cốc và quả <i>(Vẽ bằng bút chì đen)</i>
--	--

A- LÝ THUYẾT

I. Quan sát nhận xét :

* Mẫu gồm có cái cốc và quả

- Cái cốc :

- + Có dạng hình trụ
- + Gồm có miệng, thân, đáy
- + Phần miệng rộng hơn phần đáy
- + Cái cốc có màu nhạt
- + Chất liệu: nhựa
- + Đứng phía sau quả và bị che 1 phần
- + Cao hơn quả

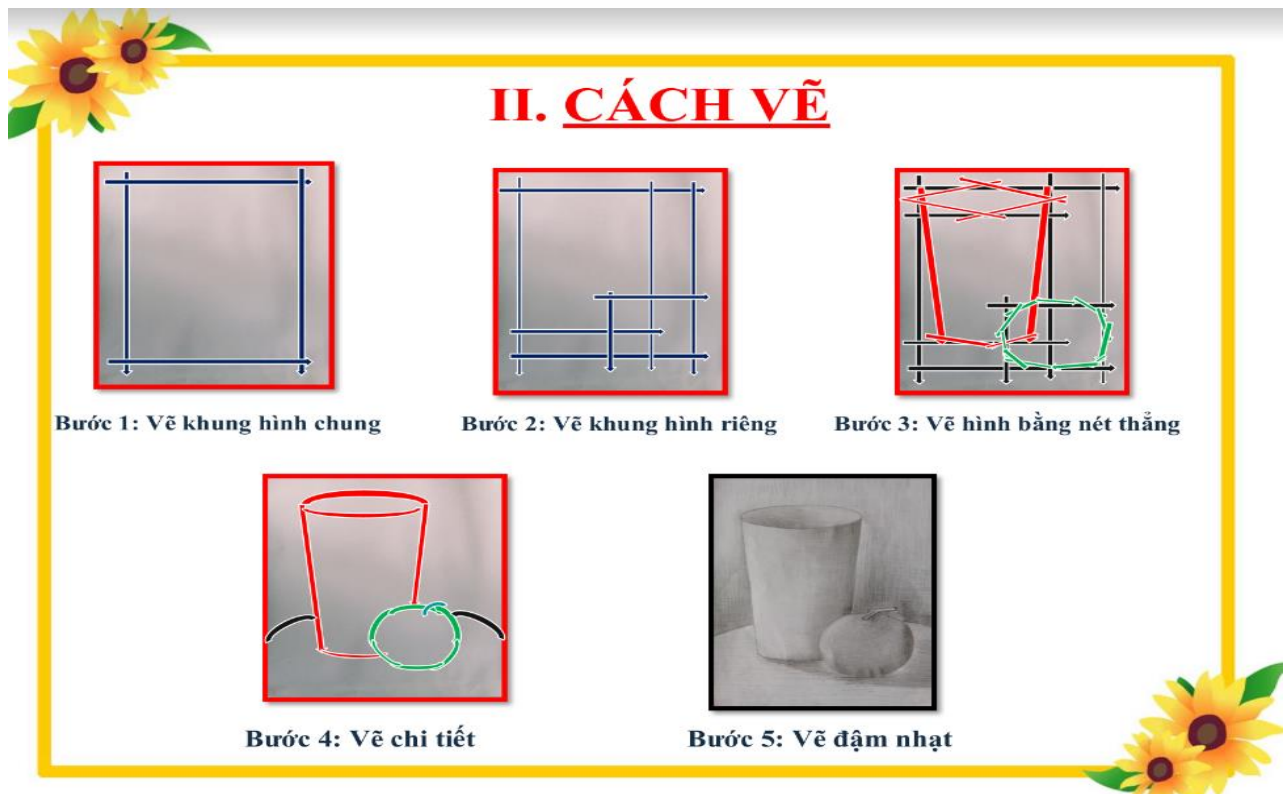
- Cái quả:

- + Có dạng hình cầu
- + Có độ đậm hơn cái cốc
- + Đứng phía trước và che 1 phần cái cốc
- + Thấp hơn cái cốc

⇒ Ánh sáng từ bên trái chiếu vào vật mẫu nhẹ nhàng

II. Cách vẽ :

- Bước 1: vẽ khung hình chung
- Bước 2: vẽ khung hình riêng
- Bước 3: vẽ các hình bằng các nét thẳng
- Bước 4: vẽ chi tiết
- Bước 5: vẽ đậm nhạt



B- BÀI TẬP

Hoàn thành bài tập Vẽ cái cốc và quả

Mọi thắc mắc PHHS và HS liên hệ: GVBM Bùi Hoàng Phương 0383871263

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: THỂ DỤC

MÔN THỂ DỤC KHỐI 7 – TUẦN 2

(Từ 13/09/2021 đến 18/19/2021)

Nội dung: Lý thuyết (ôn tập) – Bài thể dục phát triển chung với cờ 3 động tác (Vươn thở, Tay, Chân).

A. Ôn tập: Cách phòng chống chấn thương trong hoạt động TDTT:

1. Mục đích tập luyện TDTT?
2. Nêu một số biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện TDTT?

B. Học mới: Bài thể dục phát triển chung với cờ lớp 7 (3 động tác: Vươn thở - Tay – Chân):

1. Thực hiện một số động tác khởi động:
Đánh tay cao thấp, xoay cổ, xoay cổ tay cổ chân, xoay khuỷu tay, xoay cánh tay, tay ngực, lưng bụng, vặn mình, xoay hông, xoay gối, ép dọc, ép ngang.
(Xem clip mẫu – học sinh thực hiện làm theo).
2. Thực hiện Bài thể dục:

+ Động tác Vươn thở:

- **TTCB:** Tư thế đứng nghiêm, 2 tay cầm cờ hướng xuống đất.
- **Nhịp 1:** Bước chân trái sang ngang rộng bằng vai, 2 tay cầm cờ đưa ra trước – lên cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau, cờ hướng lên cao ưỡn thân, mặt ngửa (hít vào sâu bằng mũi).
- **Nhịp 2:** Đưa 2 tay ra trước – xuống thấp chếch ra sau, cờ hướng xuống đất, cúi đầu hóp bụng. (thở mạnh ra bằng miệng).
- **Nhịp 3:** Đưa 2 tay và cờ từ dưới – ra trước – dang ngang, lòng bàn tay hướng trước, ngực hơi ưỡn (hít vào sâu bằng mũi).
- **Nhịp 4:** Đưa 2 tay và cờ ra trước – xuống thấp về TTCB (thở mạnh ra bằng miệng).
- **Nhịp 5,6,7,8:** Như nhịp 1,2,3,4 nhưng nhịp 5 bước chân phải sang ngang.

+ Động tác Tay:

- **TTCB:** Như trên.

- **Nhịp 1:** Bước chân trái sang ngang 1 bước rộng bằng vai, 2 tay đưa từ dưới ra trước – lên cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau, cò hướng lên cao, mặt ngửa, mắt nhìn theo cò (hít vào).
- **Nhịp 2:** Đưa 2 tay ra trước song song cao ngang vai, lòng bàn tay hướng vào nhau, cò hướng trước (thở ra).
- **Nhịp 3:** Đưa 2 tay dang ngang, bàn tay ngửa, cò hướng sang 2 bên (hít vào).
- **Nhịp 4:** Về TTCB (thở ra).
- **Nhịp 5,6,7,8:** Như nhịp 1,2,3,4 nhưng nhịp 5 bước chân phải sang ngang.

+ **Động tác chân:**

- **TTCB:** Như trên.
- **Nhịp 1:** Kiễng 2 bàn chân, 2 tay cầm cò chống vào hông, cò hướng ra trước (hít vào).
- **Nhịp 2:** Khuyu gối (sâu), kiễng 2 bàn chân, 2 tay đưa ra trước song song cao ngang vai, lưng thẳng, lòng bàn tay hướng vào nhau, cò hướng trước, mắt nhìn theo cò (thở ra).
- **Nhịp 3:** Đứng thẳng người lên, 2 tay dang ngang, bàn tay ngửa, 2 cò hướng sang 2 bên, mặt quay sang trái mắt nhìn theo cò (hít vào).
- **Nhịp 4:** Về TTCB (thở ra).
- **Nhịp 5,6,7,8** như nhịp 1,2,3,4 nhưng nhịp 7 quay mặt sang phải.
(Xem clip mẫu – học sinh thực hiện làm theo).

***BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ LỰC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE MÙA DỊCH:**

Chạy bền: Chạy tại chỗ hoặc nhảy dây từ 3 đến 8 phút.

❖ Lưu ý: Các em tập luyện thường xuyên tại nhà để nắm vững và nhớ động tác 1 cách chính xác.

HẾT